

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HSST

Ngày: 17/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Luyến

Bà Vương Kim Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo: **Lò Văn T**; sinh ngày: 18/11/2000, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản P, xã B, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn U, sinh năm: 1954 (đã chết) và con bà: Lò Thị L, sinh năm: 1961; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/9/2025, bị tạm giam từ ngày 28/9/2025. Có mặt* *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Bà Mai Thị Thanh L1, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt

*** Bị hại:**

- Anh Lò Văn T1; sinh năm 1995; địa chỉ: Bản C, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- Anh Lò Văn P; sinh năm 1995; địa chỉ: Bản D, xã C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- Anh Lò Văn C; sinh năm 1994; địa chỉ: Bản P, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- Anh Lò Văn C1; sinh năm 1990; địa chỉ: Bản T, xã T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- Anh Lường Văn T2; sinh năm 1990; địa chỉ: Bản H, xã C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

* *Đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn H:* Bà Lò Thị T3; sinh năm 1983; địa chỉ: Bản C, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lò Văn T1, Lò Văn C1, Lò Văn C:* Luật sư Tạ Ngọc V; sinh năm 1982; Văn phòng L2 và Công sự thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội 5; địa chỉ: phường H, Hà Nội; Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị N; sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã G, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- Anh Lò Văn A; sinh năm 1996; địa chỉ: Bản P, xã B, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Anh Lò Văn A; sinh năm 2000; địa chỉ: Bản P, xã B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/4/2023, Lường Văn H1 xuất cảnh trái phép sang Myanmar và làm việc cho công ty lừa đảo do người Trung Quốc điều hành, theo sự giới thiệu của Lò Văn B. Đến tháng 8/2023, H1 rủ Lò Văn T sang Myanmar làm việc với lời hứa công việc máy tính, lương cao nhưng không nói rõ là hoạt động lừa đảo. T làm việc khoảng 01 tháng thì công ty bị bắt, được trao trả về Việt Nam ngày 25/12/2023, chi phí do H1 chi trả.

Sau đó, H1 tiếp tục rủ T sang Lào làm việc tại công ty L3 để trả nợ và hưởng hoa hồng. Ngày 25/01/2024, T cùng một số người được đưa sang Đặc khu kinh tế tỉnh Bò Kẹo (Lào) làm việc lừa đảo qua mạng.

Tại đây, theo yêu cầu của chủ công ty, T tham gia tìm người đưa sang Lào làm việc để được về nước và hưởng hoa hồng. Thông nhắn tin qua Facebook rủ Quảng Văn N1, sinh năm 1989, trú tại bản Phang, xã B, tỉnh Điện Biên, bảo N1 tìm người đưa sang nước CHDCND Lào làm công việc trên máy tính, lương từ 15 -16 triệu đồng/tháng, nếu rủ được người thì N1 sẽ được trả 01 triệu đồng/01 người và hưởng phần trăm hoa hồng thì N1 nhất trí. T được ông chủ chuyển tiền để lo chi phí làm thủ tục sang Lào cho các công dân.

Sau đó N1 đã rủ được 06 công dân sang Lào gồm: Lò Văn H, sinh năm 2004 và Lò Văn T1, sinh năm 1995, cùng trú tại bản Cộng, xã B, tỉnh Điện Biên; Lò Văn C1, sinh năm 1990, trú tại bản Ten, xã T, tỉnh Điện Biên; Lường Văn T2, sinh năm 1990, trú tại bản Hiệu, xã C, tỉnh Điện Biên; Lò Văn P, sinh năm 1995, trú tại bản Dữn, xã C, tỉnh Điện Biên; Lò Văn C, sinh năm 1994, trú tại bản Phang, xã B, tỉnh Điện Biên, trong đó 04 người được đưa sang Lào ngày 14/3/2024 và 02 người tiếp tục sang ngày 25/3/2024, dù N1 đã biết rõ công việc là lừa đảo.

Song song, Lò Văn B cũng nhận lời tuyển người cho công ty và đã lừa đưa 08 công dân Việt Nam sang Lào vào các ngày 02/3/2024, 14/3/2024 và 25/3/2024.

Kết quả, các bị cáo đã lừa đưa nhiều công dân Việt Nam sang nước ngoài làm việc cho tổ chức lừa đảo. Lò Văn B hưởng lợi 56.650.000 đồng; Quàng Văn N1 hưởng lợi 13.400.000 đồng; Lò Văn T hưởng lợi 20.260.000 đồng. Toàn bộ số tiền các đối tượng đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Nhận thức hành vi mua bán người của mình là vi phạm pháp luật, nên ngày 25/9/2025, Lò Văn T đã ra đầu thú và khai báo toàn bộ sự việc.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSĐB-P2 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên bổ sung ý kiến quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Mua bán người; xử phạt bị cáo Lò Văn T mức án tù 12 năm đến 13 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại Lò Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 14.000.000 đồng, trước phiên tòa thông qua người nhà bị cáo đã tự nguyện bồi thường 4 triệu đồng, anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp. Bị hại Lò Văn C, Lò Văn C1, bà Lương Thị T4 đại diện gia đình Lò Văn H không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết. Bị hại Lương Văn T2, Lò Văn P do vắng mặt nên chưa có yêu cầu đề nghị bồi thường.

* Về xử lý vật chứng: Không

* Về truy thu số tiền do phạm tội mà có: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải nộp số tiền 20.260.000 đồng là tiền do phạm tội mà có vào ngân sách Nhà nước.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên; không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; ngày 25/9/2025 bị cáo T đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội mua bán người; bố bị cáo là ông Lò Văn U được tặng bằng khen do có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã bồi thường một phần cho bị hại bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54/BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đồng ý với ý kiến của đại

điện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm, không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lò Văn T1, Lò Văn C1, Lò Văn C là luật sư Tạ Ngọc V có ý kiến: Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, về trách nhiệm bồi thường dân sự người bị hại Lò Văn C, Lò Văn C1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự, người bị hại Lò Văn T1 đã nhận số tiền bồi thường 4.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm do vậy đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn A có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận, nhất trí với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng của Lò Văn A đã bồi thường cho bị hại Lò Văn T1.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, nội dung bản luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Lò Văn T, sau khi bị Lương Văn H1 lôi kéo sang Myanmar và Lào làm việc trong các công ty lừa đảo, đã tiếp tục tham gia vào đường dây tuyển mộ, đưa người sang nước ngoài làm việc trái phép. Mặc dù biết rõ bản chất công việc là lừa đảo, T vẫn thực hiện việc rủ rê, lôi kéo người khác dưới hình thức giới thiệu công việc “máy tính, lương cao”, che giấu mục đích thực sự.

Trong các ngày 14/3/2024 và 25/3/2024, T đã 02 lần tổ chức, thông qua Quảng Văn N1, lừa đưa 06 công dân tại tỉnh Điện Biên sang CHDCND Lào để làm việc cho công ty lừa đảo do người Trung Quốc điều hành. Thông trực tiếp liên hệ, điều phối, nhận và sử dụng tiền từ phía chủ công ty để phục vụ việc đưa người đi và hưởng lợi bất chính số tiền 20.260.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của người khác và đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Trong vụ án đồng phạm, T giữ vai trò khởi xướng, Quảng Văn N1 là người thực hành tích cực, Lương Văn H1 là người giúp sức và tham gia tích cực; tuy nhiên, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Lời khai nhận tội của bị cáo Lò Văn T trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác đã bị xét xử trước; Tài liệu tra cứu

lịch sử xuất nhập cảnh của các bị hại; Kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cũng như Cáo trạng số 15/CT-VKSDB-P2 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xét xử bị cáo Lò Văn T về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn T đã chuyển giao 06 người ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sang CHDCND Lào giao cho một người khác để nhận tiền nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.[2]

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che giấu dưới vỏ bọc giới thiệu đi lao động tại nước ngoài, lợi dụng sự tin tưởng của họ hàng, bạn bè để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính.

Bị cáo Lò Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Vụ án có đồng phạm trong đó bị cáo là người khởi xướng và thực hành tích cực.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lò Văn T sinh ra và lớn lên ở bản P, xã B, tỉnh Điện Biên, được gia đình tạo điều kiện cho đi học hết lớp 9/12, sau đó bỏ học đi lao động tự do từ đó đến nay. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ vụ lợi cá nhân. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T có nhân thân tốt, chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị truy tố bị cáo với tính tiết tăng nặng 02 lần phạm tội trở lên, nên bị áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết trên đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao do vậy HĐXX không áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngày 25/9/2025 bị cáo T đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội mua bán người, đã tích cực tác động bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lò Văn T1, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bởi bị cáo là ông Lò Văn U được tặng bằng khen do có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54/BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51/BLHS tuy nhiên bị cáo 2 lần thực hiện hành vi phạm tội với 6 người, trong đó có bị hại sau khi sang Lào đã thiệt mạng nên HĐXX thấy rằng không đủ căn cứ để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. **[4] Về hình phạt bổ sung:** Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, phạt quản chế, cấm cư trú, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo khó khăn; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 592 Bộ luật Dân sự

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bị hại Lò Văn T1 về số tiền 4 triệu đồng bị cáo đã bồi thường 4 triệu đồng, bị hại Lò Văn T1 không yêu cầu bồi thường thêm (theo biên bản thỏa thuận được lập ngày 26/3/2026 giữa đại diện gia đình bị cáo và bị hại)

- Đối với bị hại Lường Văn T2, Lò Văn P vắng mặt tại địa bàn chưa xác định được yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường bằng vụ án khác

- Người đại diện hợp pháp của Lò Văn H không yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Lò Văn C, Lò Văn C1 vắng mặt tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường do vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo:

Đối với số tiền 20.260.000 đồng bị cáo T nhận được là tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong vụ án còn có Lò Văn B, Quàng Văn N1, Lường Văn H1 đã bị khởi tố về tội Mua bán người. Ngày 29/10/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã xét xử Lò Văn B 09 năm tù, về tội Mua bán người, quy định tại khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự; Quàng Văn N1 08 năm tù, về tội Mua bán người, quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Lường Văn H1 vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ ở đâu, đã ra Quyết định truy nã nhưng chưa có kết quả nên CQĐT Công an tỉnh Điện Biên đã Quyết định tách vụ án hình sự số 980 ngày 06/02/2026, tách hành vi mua bán người của Lường Văn H1 để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Thị N là chủ tài khoản ngân hàng T6 số 19026589346033 chuyển tiền cho bị can T vào tài khoản ngân hàng A1 số 8905205184290 của Lò Văn A. N làm kinh doanh siêu thị tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, tỉnh Bò

Kẹo, nước CHDCND Lào, thường xuyên có người Việt Nam hoặc người Trung Quốc đến đổi tiền mặt sang tiền tài khoản. N không biết thông tin người đổi tiền, người nhận tiền và nội dung, mục đích chuyển tiền nên không có căn cứ để xử lý đối với N.

Đối với Lò Văn A (anh trai của T) là chủ tài khoản ngân hàng A1 số 8905205184290 đã giúp T nhận tiền từ ông chủ người Trung Quốc sau đó chuyển tiền vào tài khoản của N1. Lò Văn A không biết mục đích giao dịch chuyển tiền nên không có căn cứ để xử lý đối với A.

Đối với người lái xe ô tô do Lương Văn H1 bố trí để đưa Lò Văn T, Lò Văn A và các bị hại sang Myanmar và Lào làm việc, do không xác định được thông tin xe ô tô và người lái xe nên không đề cập vấn đề xử lý.

Quá trình điều tra, bị can Lò Văn T và các bị hại khai khi sang Lào bị đưa vào công ty Trung Quốc làm công việc lừa đảo trên không gian mạng. Tuy nhiên không có tài liệu xác định hành vi, thủ đoạn, bị hại và số tiền chiếm đoạt cụ thể nên không có căn cứ xác định bị can và các bị hại đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

[9] Về án phí: Bị cáo Lò Văn T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo. Về án phí dân sự có giá ngạch do bị cáo và bị hại Lò Văn T1 đã thỏa thuận trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017 và năm 2025.

- 1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “*Mua bán người*”
- 2. Về hình phạt:**

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 150; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017 và năm 2025: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại Lò Văn T1 bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lò Văn T1 số tiền 4 triệu đồng bị cáo đã bồi thường đủ 4 triệu đồng.

Các bị hại Lò Văn C, Lò Văn C1, người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường.

Bị hại Lương Văn T2, Lò Văn P có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải nộp 20.260.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lò Văn T1, Lò Văn C, Lò Văn C1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn A có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Viện phúc thẩm 1 VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa;
- Các bị hại;
- NBVQ&LIHP của bị hại;
- Người có QL, NVLQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Tiến Hưng